



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 28 tháng 10 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch (từ ngày 25/5/2020)
	Thành viên (đến ngày 25/5/2020)
Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch (đến ngày 25/5/2020)
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên (từ ngày 25/5/2020)
Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên (từ ngày 25/5/2020)
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên (đến ngày 25/5/2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/11/2020)
	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/10/2020)
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/10/2020)
Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát

Trụ sở đăng ký
Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

112
ÔN
NHIỆ
P
LIÊN



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TY
HUU
G
- T.P

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00217-21-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **30-03-2021**



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		503.486.461.526	519.600.581.498
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	42.587.710.609	30.622.933.390
Tiền	111		42.587.710.609	30.622.933.390
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.233.705.149	123.480.765.977
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	104.655.347.288	117.371.108.073
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.201.689.960	19.334.123.807
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	14.188.696.223	8.996.424.094
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(21.848.707.921)	(22.220.889.997)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.679.599	-
Hàng tồn kho	140	8	360.665.045.768	364.462.278.838
Hàng tồn kho	141		363.762.748.529	364.462.278.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.097.702.761)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.034.603.293
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	517.447.076
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	94.761.081
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	-	422.395.136
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.052.070.196.190	1.040.820.477.041
Tài sản cố định	220		304.122.582.247	270.435.178.251
Tài sản cố định hữu hình	221	9	302.581.742.694	268.845.264.860
Nguyên giá	222		664.599.949.960	589.679.108.378
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.018.207.266)	(320.833.843.518)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.540.839.553	1.589.913.391
Nguyên giá	228		6.949.935.312	6.749.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.409.095.759)	(5.160.021.921)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.514.033.621	51.357.231.938
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	17.514.033.621	51.357.231.938
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	647.346.105.597	647.233.030.158
Đầu tư vào công ty con	251		615.700.000.000	615.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.353.894.403)	(34.466.969.842)
Tài sản dài hạn khác	260		83.087.474.725	71.795.036.694
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	83.087.474.725	71.795.036.694
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.555.556.657.716	1.560.421.058.539

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		318.574.845.405	251.474.069.747
Nợ ngắn hạn	310		318.574.845.405	251.474.069.747
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	34.884.165.669	44.573.581.741
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.022.643.407	4.834.243.974
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	11.287.758.492	14.822.209.321
Phải trả người lao động	314		17.722.840.502	15.827.738.027
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	11.170.442.587	13.377.538.802
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	40.569.004.129	21.107.145.735
Vay ngắn hạn	320	18	199.619.897.815	137.537.523.526
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	1.298.092.804	(605.911.379)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.236.981.812.311	1.308.946.988.792
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.236.981.812.311	1.308.946.988.792
Vốn cổ phần	411	21	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	350.266.833.180	337.707.716.549
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.248.464.440	138.772.757.552
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.139.155.643	2.632.740.965
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.109.308.797	136.140.016.587
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.555.556.657.716	1.560.421.058.539

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	1.389.702.366.065	1.476.367.496.761
Giá vốn hàng bán	11	26	940.521.431.257	1.039.912.980.353
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		449.180.934.808	436.454.516.408
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	17.965.282.729	25.737.390.960
Chi phí tài chính	22	28	8.955.503.665	23.596.573.877
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.994.295.568	8.728.805.294
Chi phí bán hàng	25	29	208.680.806.878	200.666.944.845
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	78.720.908.872	65.649.006.671
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		170.788.998.122	172.279.381.975
Thu nhập khác	31	31	4.521.057.899	24.414.348.362
Chi phí khác	32		3.314.522.536	3.638.079.128
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.206.535.363	20.776.269.234
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		171.995.533.485	193.055.651.209
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	34.038.179.122	35.699.101.364
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		137.957.354.363	157.356.549.845

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	171.995.533.485	193.055.651.209
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	45.832.684.066	31.882.168.121
Các khoản dự phòng	03	2.612.445.246	12.453.871.179
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(54.702.353)	(35.876.604)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.013.120.802)	(45.076.513.616)
Chi phí lãi vay	06	6.994.295.568	8.728.805.294
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	211.367.135.210	201.008.105.583
Biến động các khoản phải thu	09	13.216.022.583	14.730.627.191
Biến động hàng tồn kho	10	699.530.309	1.330.178.295
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(24.532.453.170)	(25.717.423)
Biến động chi phí trả trước	12	(11.692.910.073)	(7.397.261.779)
		189.057.324.859	209.645.931.867
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.994.295.568)	(8.728.805.294)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(38.359.531.794)	(34.217.095.215)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.125.534.190)	(5.604.686.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	135.577.963.307	161.095.345.353
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(33.968.394.329)	(96.967.446.260)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	175.297.542	24.529.986.360
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(27.115.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	15.883.690.160	23.781.213.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.909.406.627)	(75.771.246.159)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	604.744.686.005	686.724.241.739
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(542.662.311.716)	(647.508.192.687)
Tiền trả cổ tức	36	(167.786.153.750)	(129.245.275.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(105.703.779.461)	(90.029.226.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	11.964.777.219	(4.705.127.554)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	30.622.933.390	35.328.060.944
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	42.587.710.609	30.622.933.390

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 12.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có 333 nhân viên (1/1/2020: 329 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipeco, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.913.666.871	807.787.355
Tiền gửi ngân hàng	40.674.043.738	29.815.146.035
	42.587.710.609	30.622.933.390

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Các công ty thuộc Petrolimex	42.912.740.974	39.832.860.105
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Total Lubrificants Hong Kong Limited	1.821.494.941	4.304.047.418
Công ty Vận tải biển Vinalines	111.496.300	2.309.064.455
Các khách hàng khác	52.343.138.162	63.458.659.184
	104.655.347.288	117.371.108.073

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu khác**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Phải thu khác từ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	1.620.286.372	1.698.254.072
Phải thu khác từ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	7.511.748.929	1.422.241.580
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	-	723.597.091
	<hr/>	<hr/>
	9.132.035.301	3.844.092.743
Các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	1.552.448.591	1.812.852.615
Phải thu từ người lao động	59.604.649	80.913.697
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.444.607.682	3.258.565.039
	<hr/>	<hr/>
	14.188.696.223	8.996.424.094
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Vinashin	Trên 3 năm	1.976.286.342	(1.976.286.342)	-	Trên 3 năm	2.126.286.342	(2.126.286.342)	-
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	6.186.341.431	(6.186.341.431)	-	Trên 3 năm	6.798.705.787	(6.232.099.848)	566.605.939
Các công ty khác	2 - 3 năm	1.071.507.831	(750.055.482)	321.452.349	2 - 3 năm	760.622.154	(532.435.508)	228.186.646
Các công ty khác	1 - 2 năm	1.401.554.149	(700.777.075)	700.777.074	1 - 2 năm	1.412.200.500	(706.100.250)	706.100.250
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	654.107.366	(196.232.209)	457.875.157	6 tháng - 1 năm	1.949.842.224	(584.952.667)	1.364.889.557
		23.328.812.501	(21.848.707.921)	1.480.104.580		25.086.672.389	(22.220.889.997)	2.865.782.392

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn

(21.848.707.921)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	9.797.246.887	-	6.059.493.051	-
Nguyên vật liệu	178.749.314.668	-	187.552.811.082	-
Công cụ và dụng cụ	5.904.530.397	-	9.150.482.145	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.909.213.639	-	29.765.402.341	-
Thành phẩm, hàng hóa	153.402.442.938	(3.097.702.761)	131.934.090.219	-
	<u>363.762.748.529</u>	<u>(3.097.702.761)</u>	<u>364.462.278.838</u>	<u>-</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 3.112 triệu VND hàng thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2020: không có).



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	235.988.575.286	289.189.536.004	46.463.691.681	18.037.305.407	589.679.108.378
Tăng trong năm	11.290.717.903	11.656.626.579	1.247.236.364	2.727.458.550	26.922.039.396
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.846.206.700	20.929.063.031	302.588.181	30.500.000	47.108.357.912
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.322.529.162	3.285.871.780	-	-	4.608.400.942
Thanh lý	(144.000.000)	(2.235.847.013)	(736.900.000)	(601.209.655)	(3.717.956.668)
Số dư cuối năm	274.304.029.051	322.825.250.381	47.276.616.226	20.194.054.302	664.599.949.960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	117.566.104.660	161.007.475.760	28.497.400.329	13.762.862.769	320.833.843.518
Khấu hao trong năm	18.028.184.441	21.784.393.115	2.399.600.001	1.981.679.520	44.193.857.077
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	165.316.145	497.280.294	-	-	662.596.439
Thanh lý	(98.133.100)	(2.235.847.013)	(736.900.000)	(601.209.655)	(3.672.089.768)
Số dư cuối năm	135.661.472.146	181.053.302.156	30.160.100.330	15.143.332.634	362.018.207.266
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	118.422.470.626	128.182.060.244	17.966.291.352	4.274.442.638	268.845.264.860
Số dư cuối năm	138.642.556.905	141.771.948.225	17.116.515.896	5.050.721.668	302.581.742.694

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 128.685 triệu VND (1/1/2020: 131.243 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	6.749.935.312
Tăng trong năm	200.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.949.935.312
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.160.021.921
Khấu hao trong năm	249.073.838
	<hr/>
Số dư cuối năm	5.409.095.759
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.589.913.391
Số dư cuối năm	1.540.839.553
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2020: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	51.357.231.938	74.128.020.926
Tăng trong năm	19.383.871.985	52.543.023.309
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.108.357.912)	(75.313.812.297)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.417.638.536)	-
Biến động khác	(1.701.073.854)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	17.514.033.621	51.357.231.938

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	1.496.667.824	23.191.357.171
Tài sản chờ lắp đặt	5.145.000.000	1.278.177.813
Công trình xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Trà Nóc	2.901.292.566	21.100.000
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	-	18.075.697.277
Các công trình khác	7.971.073.231	8.790.899.677
	<hr/>	<hr/>
	17.514.033.621	51.357.231.938

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020				1/1/2020						
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con											
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Hà Nội		100%	361.400.000.000	-	(*)		100%	361.400.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Hà Nội		100%	254.300.000.000	-	(*)		100%	254.300.000.000	-	(*)
				615.700.000.000	-				615.700.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết											
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(34.353.894.403)	(*)	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(34.466.969.842)	(*)
				681.700.000.000	(34.353.894.403)				681.700.000.000	(34.466.969.842)	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	31.305.594.054	15.792.100.544	11.034.223.044	13.663.119.052	71.795.036.694
Tăng trong năm	-	-	7.957.760.874	24.464.595.610	32.422.356.484
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	594.168.813	3.823.469.723	4.417.638.536
Phân bổ trong năm	(825.749.559)	(564.003.592)	(7.165.231.744)	(13.046.767.591)	(21.601.752.486)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(3.945.804.503)	(3.945.804.503)
Số dư cuối năm	30.479.844.495	15.228.096.952	12.420.920.987	24.958.612.291	83.087.474.725

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	3.189.570.742	813.328.771
▪ Công ty TNHH Castrol BP PETCO	1.777.458.790	1.681.816.007
	<hr/>	<hr/>
	4.967.029.532	2.495.144.778
Các bên khác		
▪ ELF Lubrifiants Paris	2.962.906.306	13.867.147.306
▪ Công ty TNHH Châu Phước Thành	3.106.760.133	2.770.622.493
▪ Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	790.987.323	2.755.815.129
▪ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	2.110.482.000	1.778.480.000
▪ Các nhà cung cấp khác	20.946.000.375	20.906.372.035
	<hr/>	<hr/>
	34.884.165.669	44.573.581.741
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.175.533.988	256.240.716.188	(103.246.410.816)	(153.743.095.284)	1.426.744.076
Thuế nhập khẩu	-	-	10.932.272.026	(10.932.272.026)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.395.136	7.664.658.144	34.038.179.122	(38.359.531.794)	-	2.920.910.336
Thuế bảo vệ môi trường	-	4.322.625.332	55.465.571.960	(54.257.523.240)	-	5.530.674.052
Thuế thu nhập cá nhân	-	659.391.857	5.162.919.187	(4.412.881.016)	-	1.409.430.028
Thuế khác	-	-	1.544.961.085	(1.544.961.085)	-	-
	422.395.136	14.822.209.321	363.384.619.568	(212.753.579.977)	(153.743.095.284)	11.287.758.492

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	9.005.599.756	9.117.538.802
Chi phí phải trả về xây dựng cơ bản dở dang và các chi phí phải trả khác	2.164.842.831	4.260.000.000
	11.170.442.587	13.377.538.802

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả cổ tức	35.797.583.550	1.589.822.300
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.262.384.277	1.999.594.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	-	15.000.000.000
Các khoản phải trả khác	3.509.036.302	2.517.728.541
	40.569.004.129	21.107.145.735

(*) Đây là khoản tiền Tổng công ty nhận từ Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/PLC-NHO ngày 5 tháng 2 năm 2016 giữa Tổng công ty với Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia liên quan đến dự án xây dựng tại khu đất 152 Nguyễn Khoái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia và hoàn trả khoản tiền đảm bảo trên.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	137.537.523.526	604.744.686.005	(542.662.311.716)	199.619.897.815

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,7	-	37.886.634.703
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	4,0 - 5,4	40.162.538.491	4.945.581.584
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2,8 - 3,6	159.457.359.324	94.705.307.239
			199.619.897.815	137.537.523.526

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 5 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	(605.911.379)	(3.234.783.042)
Trích lập trong năm	7.928.613.033	8.233.557.668
Tăng khác	2.100.925.340	-
Sử dụng trong năm	(8.125.534.190)	(5.604.686.005)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.298.092.804	(605.911.379)
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1/1/2019	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	125.846.340.513	1.289.110.075.660
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	157.356.549.845	157.356.549.845
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	6.910.496.093	-	(6.910.496.093)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.233.557.668)	(8.233.557.668)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	-	(129.276.105.600)	(129.276.105.600)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(9.973.445)	(9.973.445)
Số dư ngày 1/1/2020	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	337.707.716.549	20.463.604.691	138.772.757.552	1.308.946.988.792
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	137.957.354.363	137.957.354.363
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	12.559.116.631	-	(12.559.116.631)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.928.613.033)	(7.928.613.033)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	-	(201.993.915.000)	(201.993.915.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(2.811)	(2.811)
Số dư ngày 31/12/2020	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	350.266.833.180	20.463.604.691	54.248.464.440	1.236.981.812.311

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2020		1/1/2020	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 121.196 triệu VND (tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 129.276 triệu VND, tương đương 1.600 VND trên một cổ phiếu).

Ngày 2 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2020 với giá trị 80.798 triệu VND (tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	66.228	1.537.474.663	60.178	1.397.924.952
Euro (“EUR”)	212	5.915.651	223	6.344.574
		<u>1.543.390.314</u>		<u>1.404.269.526</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn cho năm sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt	73.448.000.000	56.319.000.000
	<u>73.448.000.000</u>	<u>56.319.000.000</u>

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.350.524.785.460	1.433.908.599.433
Bán hàng hóa khác	39.177.580.605	42.458.897.328
	<u>1.389.702.366.065</u>	<u>1.476.367.496.761</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	899.020.316.093	997.926.102.080
Giá vốn hàng hóa khác	38.403.412.403	41.986.878.273
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.097.702.761	-
	940.521.431.257	1.039.912.980.353

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.033.210.594	2.564.680.483
Lợi nhuận được chia	14.850.479.566	21.216.533.258
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.081.592.569	1.956.177.219
	17.965.282.729	25.737.390.960

28. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	6.994.295.568	8.728.805.294
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.418.145.830	2.214.074.578
Dự phòng tổn thất đầu tư	(113.075.439)	12.001.121.931
Chiết khấu thanh toán	656.137.706	652.572.074
	8.955.503.665	23.596.573.877

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.821.603.712	24.799.198.694
Chi phí vận chuyển	22.628.939.906	23.955.103.264
Chi phí hỗ trợ bán hàng	70.492.836.870	69.221.714.082
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	54.992.307.989	48.687.590.846
Chi phí khấu hao	4.915.086.714	5.817.879.302
Chi phí sửa chữa	2.387.104.459	3.505.119.367
Chi phí bán hàng khác	29.442.927.228	24.680.339.290
	<hr/>	<hr/>
	208.680.806.878	200.666.944.845
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	38.356.457.511	35.766.787.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.272.404.013	2.670.617.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.144.985.398	2.745.957.994
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	34.947.061.950	24.465.642.876
	<hr/>	<hr/>
	78.720.908.872	65.649.006.671
	<hr/>	<hr/>

31. Thu nhập khác

	2020	2019
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	175.297.542	21.295.299.875
Các khoản khác	4.345.760.357	3.119.048.487
	<hr/>	<hr/>
	4.521.057.899	24.414.348.362
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	756.259.593.904	842.850.678.813
Chi phí nhân viên	89.386.716.958	84.681.660.710
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.832.684.066	31.882.168.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.022.052.388	35.959.588.627
Chi phí khác	211.350.335.683	187.101.351.204

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	33.695.568.975	35.699.101.364
Chi phí thuế ghi nhận thiếu trong những năm trước	342.610.147	-
	34.038.179.122	35.699.101.364

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	171.995.533.485	193.055.651.209
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	34.399.106.697	38.611.130.242
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.353.830.918	1.331.277.774
Thu nhập không bị tính thuế	(2.970.095.913)	(4.243.306.652)
Chi phí thuế ghi nhận thiếu trong những năm trước	342.610.147	-
Điều chỉnh khác	(87.272.727)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.038.179.122	35.699.101.364

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Công ty mẹ		
Cổ tức	159.723.975.000	102.222.814.400
Công ty con		
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Góp vốn	-	17.715.000.000
Chuyển đổi từ phải thu khác thành vốn góp	-	56.585.000.000
Lợi nhuận được chia	5.050.479.566	9.248.749.254
Hỗ trợ vốn đầu tư	-	15.109.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	981.742.175	60.532.520
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	11.110.000
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Góp vốn	-	9.400.000.000
Chuyển đổi từ phải thu khác thành vốn góp	-	22.000.000.000
Lợi nhuận được chia	9.800.000.000	11.967.784.004
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.904.789.049	2.091.727.450
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	151.716.300
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP		
Bán hàng hóa	172.739.000	458.910.160
Các công ty liên quan		
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
Bán hàng hóa	1.098.129.397.090	1.167.568.706.933
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.385.730.045	12.649.585.563
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.415.125.386	18.337.541.400
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.047.071.000	1.516.645.978
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	920.841.000	1.294.524.745
Phó Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	799.366.000	1.357.463.723

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị 1 Tiền lương, thù lao và thưởng	689.684.000	804.346.615
Thành viên Hội đồng Quản trị 2 Tiền lương, thù lao và thưởng	585.231.000	613.471.994
Thành viên Hội đồng Quản trị 3 Tiền lương, thù lao và thưởng	548.517.000	1.294.524.745
Thành viên Hội đồng Quản trị 4 Tiền lương, thù lao và thưởng	228.956.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị 5 Tiền lương, thù lao và thưởng	145.012.833	160.851.667
Thành viên Hội đồng Quản trị 6 Tiền lương, thù lao và thưởng	145.012.833	160.851.667
Thành viên Hội đồng Quản trị 7 Tiền lương, thù lao và thưởng	95.933.833	143.195.417
Thành viên Hội đồng Quản trị 8 Tiền lương, thù lao và thưởng	49.079.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị 9 Tiền lương, thù lao và thưởng	-	92.051.667

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chuyển đổi phải thu khác thành vốn góp tại các công ty con	-	78.585.000.000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

